



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Doanh nghiệp

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

| | |
|---------------------|----------|
| Ông Trần Quang Nghị | Chủ tịch |
| Ông Lê Tiến Trường | Ủy viên |
| Ông Đặng Vũ Hùng | Ủy viên |
| Ông Phạm Phú Cường | Ủy viên |
| Ông Lê Khắc Hiệp | Ủy viên |
| Ông Lê Đình Ngọc | Ủy viên |
| Ông Don Di Lam | Ủy viên |

Cơ quan Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|--------------------|
| Ông Lê Tiến Trường | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Duy Hạnh | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Phạm Nguyên Hạnh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Trung Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Vệ Dũng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đặng Vũ Hùng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Phú Cường | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Đức Khiêm | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Văn Tân | Giám đốc Điều hành |
| Ông Nguyễn Khánh Sơn | Giám đốc Điều hành |
| Ông Lê Mạc Thuần | Giám đốc Điều hành |
| Bà Phạm Minh Hương | Giám đốc Điều hành |

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Fiễn Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 59.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- thuyết minh 2(a), 3(a) và 3(c)(iv) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 2(a), 3(a) và 3(c)(iv).
- thuyết minh 9(c) và Thuyết minh 21(ii) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 363.057 triệu VND (1/1/2017: 364.061 triệu VND). Cũng theo Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.



Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Kết luận soát xét của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 không bị ngoại trừ về các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-144-XS-R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2017**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 2.525.945.622.464 | 2.365.517.728.659 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 8 | 1.129.458.510.937 | 819.215.662.212 |
| Tiền | 111 | | 139.458.510.937 | 117.849.884.434 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 990.000.000.000 | 701.365.777.778 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 507.827.938.000 | 637.947.938.000 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | 9(a) | 74.767.938.000 | 74.767.938.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 9(b) | 433.060.000.000 | 563.180.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 678.941.240.876 | 708.533.587.442 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 10 | 115.918.002.229 | 61.389.880.675 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 116.994.671.094 | 87.881.783.694 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 11(a) | 140.408.293.161 | 111.229.430.764 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 12(a) | 305.620.274.392 | 448.032.492.309 |
| Hàng tồn kho | 140 | 13 | 162.791.024.191 | 156.807.999.437 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 163.074.861.031 | 156.807.999.437 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (283.836.840) | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 46.926.908.460 | 43.012.541.568 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 4.922.231.866 | 4.440.143.874 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 41.155.023.292 | 37.787.855.748 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 19(a) | 849.653.302 | 784.541.946 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 6.097.743.467.422 | 6.028.267.247.657 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.399.658.687.336 | 1.419.544.876.321 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 11(b) | 1.327.089.277.999 | 1.345.746.466.984 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 12(b) | 72.569.409.337 | 73.798.409.337 |
| Tài sản cố định | 220 | | 1.243.484.756.394 | 1.278.090.939.703 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 14 | 1.176.339.161.401 | 1.209.896.712.326 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1.568.891.444.332 | 1.700.702.831.322 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (392.552.282.931) | (490.806.118.996) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 15 | 67.145.594.993 | 68.194.227.377 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 80.744.601.210 | 80.744.601.210 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (13.599.006.217) | (12.550.373.833) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 274.538.192.315 | 125.145.930.499 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 16 | 274.538.192.315 | 125.145.930.499 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 9(c) | 3.073.712.245.617 | 3.101.606.455.334 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | 2.129.599.895.419 | 2.090.422.884.657 |
| Đầu tư vào các công ty liên kết | 252 | | 1.035.595.276.642 | 1.035.595.276.642 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 52.288.294.035 | 52.288.294.035 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (143.771.220.479) | (76.700.000.000) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 106.349.585.760 | 103.879.045.800 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 17 | 106.349.585.760 | 103.879.045.800 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 8.623.689.089.886 | 8.393.784.976.316 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 3.313.386.328.165 | 2.822.789.998.377 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.097.309.892.301 | 765.530.413.010 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 18 | 94.793.750.286 | 164.628.547.220 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 3.151.820.387 | 6.767.799.973 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 19(b) | 490.324.341 | 659.530.633 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 11.022.716.138 | 14.062.128.220 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 20(a) | 5.272.044.221 | 2.667.057.780 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 426.000.000 | 426.000.000 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 21 | 676.096.575.077 | 436.541.355.447 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 22(a) | 271.640.220.841 | 111.653.267.949 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 23 | 34.416.441.010 | 28.124.725.788 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 2.216.076.435.864 | 2.057.259.585.367 |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 20(b) | 25.614.144.000 | 26.562.816.000 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 1.739.500.000 | 1.952.500.000 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | 86.372.730 | 86.372.730 |
| Vay dài hạn | 338 | 22(b) | 2.188.636.419.134 | 2.028.657.896.637 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | | 5.310.302.761.721 | 5.570.994.977.939 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 24 | 5.276.859.296.189 | 5.536.256.003.114 |
| Vốn cổ phần | 411 | 25 | 5.000.000.000.000 | 5.000.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 5.000.000.000.000 | 5.000.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 29.911.650.892 | 29.911.650.892 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 11.283.450.153 | 270.680.157.078 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ/năm trước | 421a | | 7.294.908.483 | 2.975.185.184 |
| - Lợi nhuận sau thuế kỳ/năm nay | 421b | | 3.988.541.670 | 267.704.971.894 |
| Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | 27 | 235.664.195.144 | 235.664.195.144 |
| Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 430 | | 33.443.465.532 | 34.738.974.825 |
| Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | 28 | 33.443.465.532 | 34.738.974.825 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 8.623.689.089.886 | 8.393.784.976.316 |

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------|-------------|----------------------------|------------------------|
| | | | 30/6/2017 VND | 30/6/2016 VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 30 | 646.013.143.209 | 254.047.281.918 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 31 | 603.105.480.806 | 240.566.288.689 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 42.907.662.403 | 13.480.993.229 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 32 | 129.742.294.187 | 98.390.958.904 |
| Chi phí tài chính | 22 | 33 | 85.259.650.265 | 20.976.209.602 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>15.951.084.250</i> | <i>13.385.941.844</i> |
| Chi phí bán hàng | 25 | | 17.331.674.365 | 8.118.779.891 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 34 | 65.690.535.746 | 79.514.445.197 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 30 | | 4.368.096.214 | 3.262.517.443 |
| Thu nhập khác | 31 | | 543.585.426 | 661.078.564 |
| Chi phí khác | 32 | | 923.139.970 | 73.577.908 |
| Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (379.554.544) | 587.500.656 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 3.988.541.670 | 3.850.018.099 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 36 | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | 60 | | 3.988.541.670 | 3.850.018.099 |

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:




Phạm Văn Tân
 Kế toán trưởng

Lê Tiến Trường
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|-----------|----------------|----------------------------|--------------------------|
| | | | 30/6/2017 VND | 30/6/2016 VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 3.988.541.670 | 3.850.018.099 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 49.242.635.607 | 36.601.694.831 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 67.355.057.319 | 3.391.552.934 |
| Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 328.933.570 | (4.215.224.775) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (125.702.105.812) | (88.722.459.970) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 15.951.084.250 | 13.385.941.844 |
| Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 11.164.146.604 | (35.708.477.037) |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | (98.596.111.544) | (117.691.032.966) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (6.266.861.594) | (75.036.907) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (8.155.799.149) | (13.426.224.902) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 6.347.717.729 | (21.340.791.663) |
| | | | (95.506.907.954) | (188.241.563.475) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (13.939.447.735) | (11.377.881.421) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (11.496.052.612) | (10.720.961.079) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (120.942.408.301) | (210.340.405.975) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|-----------|-------------|----------------------------|----------------------------|
| | | | 30/6/2017 VND | 30/6/2016 VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (246.748.588.518) | (334.147.053.193) |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (83.903.251.050) | (1.121.774.122.816) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | | 210.887.713.641 | 65.544.286.359 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | | (38.731.390.000) | (3.000.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | | - | 26.571.553.000 |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | | 282.844.806.619 | 266.896.571.616 |
| Tiền giảm do điều chuyển tài sản cho các đơn vị khác | | | - | (2.498.805) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 124.349.290.692 | (1.099.911.263.839) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 561.565.600.604 | 1.808.211.197.859 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (254.636.025.553) | (469.725.148.098) |
| Tiền trả cổ tức | 35 | | (54.602.375) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 306.874.972.676 | 1.338.486.049.761 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 310.281.855.067 | 28.234.379.947 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 819.215.662.212 | 1.712.384.244.945 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (39.006.342) | - |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 8 | 1.129.458.510.937 | 1.740.618.624.892 |

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:




Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, lịnh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị: kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

| Tên | Thông tin chính |
|---|---|
| ▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-019 ngày 17 tháng 11 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. |
| ▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-045 ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. |
| ▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Phú Hưng | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-046 ngày 30 tháng 7 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. |
| ▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. |
| ▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. |
| ▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. |
| ▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. |
| ▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 2.668 nhân viên (1/1/2017: 2.578 nhân viên).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ một số chính sách kế toán được áp dụng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vẫn còn có ảnh hưởng đến kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc (i) ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; và (ii) trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán như sau:

- (i) Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm 2016 ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021); và
- (ii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất, ngoại trừ một số chính sách kế toán được áp dụng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán như được trình bày tại Thuyết minh 2(a).

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ cùng giảm 13.631 triệu VND và chi phí tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm 1.515 triệu VND.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(n)(ii)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán như theo quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi phí tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm 26.499 triệu VND.

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị thị trường của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng 10 đến 40 năm.

(ii) Chi phí thuê nhà xưởng trả trước

Chi phí thuê nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là 15 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và được phân bổ không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(v) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(n) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chủ yếu là từ thu nhập cổ tức được chia từ các đơn vị nhận đầu tư của Tập đoàn. Do việc chia cổ tức thường được các đơn vị nhận đầu tư công bố và xác nhận vào thời điểm cuối năm tài chính, thu nhập từ cổ tức và theo đó lợi nhuận của Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường thấp trong nửa đầu năm.

Cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, thu nhập từ cổ tức của Tập đoàn là 392.671 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 332.766 triệu VND) và lợi nhuận trước thuế đạt 283.576 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 269.365 triệu VND).

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Ngoài các vấn đề được trình bày trong Thuyết minh 2(a), 9(c) và 21(ii), Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có các khoản mục bất thường nào khác có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.104.975.196 | 2.233.016.476 |
| Tiền gửi ngân hàng | 138.353.535.741 | 115.616.867.958 |
| Các khoản tương đương tiền | 990.000.000.000 | 701.365.777.778 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.129.458.510.937 | 819.215.662.212 |

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 41.629 triệu VND (1/1/2017: 47.184 triệu VND) tương ứng với khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 21(i)).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 bao gồm 80.000 triệu VND đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Chứng khoán kinh doanh**

| | 30/6/2017 | | | | 1/1/2017 | | | |
|---|----------------------|----------------|-----------------------|-----------------------------|----------------------|----------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng giảm giá VND | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng giảm giá (*) VND |
| Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân | 10.995.285 | 74.767.938.000 | 80.375.533.350 | - | 10.995.285 | 74.767.938.000 | 48.269.301.150 | - |

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính (Thuyết minh 2(a)), cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân do ngân hàng này có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong năm 2016.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 30/6/2017 | | 1/1/2017 | |
|--|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | | | | |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 433.060.000.000 | 433.060.000.000 | 563.180.000.000 | 563.180.000.000 |

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 6% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,5%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 30/6/2017 | | | | | 1/1/2017 | | | | |
|--|-------------------|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|
| | Tỷ lệ % sở hữu | Tỷ lệ % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Tỷ lệ % sở hữu | Tỷ lệ % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư góp vốn vào: | | | | | | | | | | |
| ▪ Công ty con | | | | | | | | | | |
| • Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú | 51,00% | 51,00% | 529.510.310.129 | - | (*) | 51,00% | 51,00% | 529.510.310.129 | - | (*) |
| • Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương | 100,00% | 100,00% | 156.584.867.884 | - | (*) | 100,00% | 100,00% | 156.584.867.884 | - | (*) |
| • Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i) | 64,96% | 64,96% | 189.153.465.950 | - | (*) | 64,96% | 64,96% | 150.422.075.950 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May | 68,34% | 68,34% | 23.107.500.000 | (23.107.500.000) | (*) | 68,34% | 68,34% | 23.107.500.000 | (15.795.000.000) | (*) |
| • Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định | 53,67% | 53,67% | 81.555.023.813 | - | (*) | 53,67% | 53,67% | 81.555.023.813 | - | (*) |
| • Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân | 100,00% | 100,00% | 115.815.363.458 | - | (*) | 100,00% | 100,00% | 115.815.363.458 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Len Việt Nam | 67,15% | 67,15% | 28.259.101.159 | - | (*) | 67,15% | 67,15% | 28.259.101.159 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam | 61,63% | 61,63% | 24.852.076.451 | (7.381.188.960) | (*) | 61,63% | 61,63% | 24.852.076.451 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Bông Việt Nam | 55,00% | 55,00% | 24.750.000.000 | - | (*) | 55,00% | 55,00% | 24.750.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nôi | 51,00% | 51,00% | 41.822.531.336 | - | (*) | 51,00% | 51,00% | 41.822.531.336 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex | 51,00% | 51,00% | 41.130.079.185 | - | (*) | 51,00% | 51,00% | 41.130.079.185 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài | 53,85% | 53,85% | 39.196.265.350 | - | (*) | 53,85% | 53,85% | 39.196.265.350 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Dệt May Huế | 63,90% | 63,90% | 181.864.228.000 | - | (*) | 63,90% | 63,90% | 181.864.228.000 | - | (*) |
| • Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex | 100,00% | 100,00% | 451.406.428.264 | (41.032.841.819) | (*) | 100,00% | 100,00% | 450.960.807.502 | (28.182.006.565) | (*) |
| • Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex | 100,00% | 100,00% | 200.592.654.440 | (72.249.689.700) | (*) | 100,00% | 100,00% | 200.592.654.440 | (32.722.993.435) | (*) |
| | | | 2.129.599.895.419 | (143.771.220.479) | | | | 2.090.422.884.657 | (76.700.000.000) | |
| ▪ Công ty liên kết | | | | | | | | | | |
| • Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP | 27,69% | 27,69% | 64.157.524.344 | - | (*) | 27,69% | 27,69% | 64.157.524.344 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo | 27,00% | 27,00% | 33.294.660.248 | - | (*) | 27,00% | 27,00% | 33.294.660.248 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần May Đức Giang | 36,79% | 36,79% | 46.158.338.796 | - | (*) | 36,79% | 36,79% | 46.158.338.796 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần May Hưng Yên | 35,01% | 35,01% | 47.350.233.063 | - | (*) | 35,01% | 35,01% | 47.350.233.063 | - | (*) |
| • Tổng Công ty May 10 – CTCP | 35,51% | 35,51% | 96.422.578.752 | - | (*) | 35,51% | 35,51% | 96.422.578.752 | - | (*) |
| • Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến | 30,40% | 30,40% | 282.635.440.119 | - | (*) | 31,92% | 31,92% | 282.635.440.119 | - | (*) |
| • Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP | 46,93% | 46,93% | 196.304.445.135 | - | (*) | 46,93% | 46,93% | 196.304.445.135 | - | (*) |
| • Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác | | | 269.272.056.185 | - | (*) | | | 269.272.056.185 | - | (*) |
| | | | 1.035.595.276.642 | - | | | | 1.035.595.276.642 | - | |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | 30/6/2017 | | | | | 1/1/2017 | | | | |
|---|-------------------|--------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------------|-------------------|--------------------------------|-------------------|------------------|--------------------------|
| | Tỷ lệ % sở hữu | Tỷ lệ % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Tỷ lệ % sở hữu | Tỷ lệ % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| ▪ Đơn vị khác | | | | | | | | | | |
| • Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM | 6,09% | 6,09% | 19.583.559.975 | - | (*) | 6,09% | 6,09% | 19.583.559.975 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thăng | 18,02% | 18,02% | 6.305.925.360 | - | (*) | 18,02% | 18,02% | 6.305.925.360 | - | (*) |
| • Quỹ Đầu tư Việt Nam | 0,10% | 0,10% | 1.966.868.548 | - | (*) | 0,10% | 0,10% | 1.966.868.548 | - | (*) |
| • Các khoản đầu tư khác | | | 24.431.940.152 | - | (*) | | | 24.431.940.152 | - | (*) |
| | | | 52.288.294.035 | - | | | | 52.288.294.035 | - | |
| | | | 3.217.483.466.096 | (143.771.220.479) | | | | 3.178.306.455.334 | (76.700.000.000) | |

Trong năm 2016, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 3(c)(ii). Đồng thời, như được trình bày trong Thuyết minh 21(ii), tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam để tính toán và xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp theo chỉ đạo của Văn phòng Thủ tướng. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần có thể sẽ được điều chỉnh theo kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

(i) Trong kỳ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã mua thêm cổ phần do Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ phát hành thêm.

(*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 15 công ty con cấp 1 và 19 công ty liên kết. Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ là 75.463 triệu VND được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/6/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|------------------|-----------------|
| Phải thu của khách hàng là các công ty con | | |
| ▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ | 3.923.992.081 | 933.134.194 |
| ▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương | 3.642.364.920 | 3.133.206.691 |
| ▪ Công ty TNHH Tổng công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex | 1.302.086.610 | 537.211.802 |
| ▪ Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex | - | 312.519.728 |
| ▪ Các công ty con khác | 1.497.194.580 | 296.014.436 |
| Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết | | |
| ▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh | 2.826.807.981 | 303.911.995 |
| ▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP | - | 115.162.949 |
| ▪ Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế | 2.028.021.293 | - |
| ▪ Các công ty liên kết khác | 467.000.000 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Siêu thị Vinmart | - | 3.829.369.927 |
| ▪ Nevres Tekstil San Ve Tic A.S. | - | 7.309.125.659 |
| ▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương Mại Tài Nguyên | 6.843.696.748 | 5.932.329.420 |
| ▪ Forever Winner International Development Limited | 13.274.167.347 | - |
| ▪ Zen-Shin Co., Ltd. | 9.040.952.713 | 1.101.506.669 |
| ▪ Tubas Tekstil Urunleri Boyama San. Ve Tic.A.S | 8.285.972.262 | 1.001.568.486 |
| ▪ Biliciler Tekstil Orme San.Ve Tic.Ltd.Sti | 5.951.837.613 | - |
| ▪ Các khách hàng khác | 56.833.908.081 | 36.584.818.719 |
| | 115.918.002.229 | 61.389.880.675 |

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể yêu cầu thanh toán khi có nhu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu về cho vay từ các công ty con | | |
| ▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định | 64.999.388.608 | 64.999.388.608 |
| ▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 | 38.000.000.000 | 8.800.000.000 |
| ▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương | 5.915.611.347 | 9.460.000.000 |
| ▪ Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May | 3.023.251.050 | - |
| ▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú | - | 6.500.000.000 |
| Phải thu về cho vay từ các công ty liên kết | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| ▪ Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu | 1.470.042.156 | 1.470.042.156 |
| Phải thu về cho vay từ các bên khác | | |
| ▪ Công ty TNHH Vật tư – May Xuất Nhập Khẩu Tân Bình | 7.000.000.000 | - |
| | 140.408.293.161 | 111.229.430.764 |

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không được bảo đảm, hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 10% (1/1/2017: từ 0% đến 10%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

| | Năm đáo hạn | 30/6/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|----------------|-------------------|-------------------|
| Phải thu về cho vay từ các công ty con | | | |
| ▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii) | 2035 | 526.366.179.246 | 521.421.854.424 |
| ▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii) | 2035 | 215.093.620.160 | 213.132.524.928 |
| ▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii) | 2035 | 211.796.516.191 | 209.863.483.956 |
| ▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii) | 2035 | 80.469.325.273 | 79.734.628.980 |
| ▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May (i) | 2017 | 75.987.039.404 | 75.987.039.404 |
| ▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (ii) | 2036 | 20.039.905.918 | 19.767.954.996 |
| ▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (ii) | 2035 | 37.641.669.684 | 37.239.832.800 |
| ▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 1 (ii) | 2035 | 75.228.644.235 | 74.541.769.608 |
| ▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 2 (iii) | 2018 | 13.689.814.936 | 26.889.814.936 |
| ▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 3 (iv) | 2020 | 70.776.562.952 | 86.776.562.952 |
| Phải thu về cho vay từ các bên khác | | - | 391.000.000 |
| | | 1.327.089.277.999 | 1.345.746.466.984 |

- (i) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May. Khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định 5,5% một năm.
- (ii) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 22(b)(iii)). Các khoản cho vay này hưởng lãi suất theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất cố định 5,5% một năm.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo và không hưởng lãi suất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Các khoản phải thu về cổ phần hóa | 5.102.833.324 | 5.011.933.324 |
| Cổ tức phải thu | 225.480.767.256 | 382.422.718.083 |
| Tiền lãi cho vay | 6.488.175.626 | 6.537.193.943 |
| Lãi tiền gửi | 10.402.437.224 | 10.554.168.887 |
| Phải thu khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai | 22.500.000.000 | 22.500.000.000 |
| Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex | 21.245.408.483 | 10.095.645.609 |
| Tạm ứng cho công nhân viên | 4.044.363.729 | 1.219.819.024 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 10.356.288.750 | 9.691.013.439 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 305.620.274.392 | 448.032.492.309 |

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty con | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú | 53.014.597.458 | 69.434.694.036 |
| Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội | 52.114.633.904 | 62.142.070.205 |
| Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân | 32.949.069.565 | 30.314.381.069 |
| Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex | 21.715.236.906 | 10.095.645.609 |
| Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương | 14.678.157.759 | 10.749.521.971 |
| Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ | 14.874.252.515 | 27.121.837.945 |
| Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài | 9.422.943.262 | 14.807.485.000 |
| Công ty Cổ phần Dệt May Huế | 9.682.972.145 | 16.267.354.009 |
| Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 | 4.089.754.308 | 3.280.947.150 |
| Các công ty con khác | 5.847.889.814 | 22.313.662.016 |
| Công ty liên kết | | |
| Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP | 14.637.500.000 | 24.637.500.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến | 13.405.920.000 | 40.217.760.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú | 22.500.000.000 | 22.500.000.000 |
| Tổng Công ty May 10 – CTCP | 6.301.800.000 | 9.588.186.000 |
| Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP | - | 12.600.000.000 |
| Tổng Công ty Đức Giang – CTCP | - | 6.822.204.000 |
| Các công ty liên kết khác | 5.050.012.200 | 27.899.183.041 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 280.284.739.836 | 410.792.432.051 |

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Phải thu dài hạn khác từ công ty con | | |
| Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i) | 67.233.969.478 | 68.483.969.478 |
| Phải thu dài hạn khác | | |
| Đặt cọc tiền thuê văn phòng | 5.311.153.500 | 5.311.153.500 |
| Khác | 24.286.359 | 3.286.359 |
| | 72.569.409.337 | 73.798.409.337 |

- (i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản của Nhà máy May Quảng Bình mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2016. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang thực hiện các thủ tục để bàn giao các khoản nợ phải trả có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex.

13. Hàng tồn kho

| | 30/6/2017 | | 1/1/2017 | |
|-------------------------------------|------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 4.681.931.890 | - | 28.761.334.057 | - |
| Nguyên vật liệu | 112.190.208.604 | (283.836.840) | 51.925.698.819 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 52.589.112 | - | 680.168.470 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 14.697.186.979 | - | 21.959.858.368 | - |
| Thành phẩm | 31.046.351.488 | - | 46.568.332.445 | - |
| Hàng hóa | 406.592.958 | - | 1.038.411.037 | - |
| Hàng gửi đi bán | - | - | 5.874.196.241 | - |
| | 163.074.861.031 | (283.836.840) | 156.807.999.437 | - |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng cộng VND |
|---|-----------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|-------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 471.636.796.240 | 1.146.838.940.956 | 48.417.663.440 | 33.809.430.686 | 1.700.702.831.322 |
| Tăng trong kỳ | 360.313.636 | 1.507.354.835 | 4.907.279.119 | - | 6.774.947.590 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 661.033.306 | 7.181.500.938 | - | - | 7.842.534.244 |
| Phân loại lại | 8.540.127.194 | (9.291.679.952) | 56.162.935 | 695.389.823 | - |
| Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex | - | (142.896.605.192) | (3.490.899.996) | (41.363.636) | (146.428.868.824) |
| Số dư cuối kỳ | 481.198.270.376 | 1.003.339.511.585 | 49.890.205.498 | 34.463.456.873 | 1.568.891.444.332 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 181.368.550.900 | 275.412.312.617 | 20.225.206.717 | 13.800.048.762 | 490.806.118.996 |
| Khấu hao trong kỳ | 10.179.870.590 | 33.755.660.253 | 2.278.143.162 | 1.515.737.992 | 47.729.411.997 |
| Phân loại lại | 171.898.566 | (237.856.470) | - | 65.957.904 | - |
| Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex | - | (142.718.441.791) | (3.223.442.635) | (41.363.636) | (145.983.248.062) |
| Số dư cuối kỳ | 191.720.320.056 | 166.211.674.609 | 19.279.907.244 | 15.340.381.022 | 392.552.282.931 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 290.268.245.340 | 871.426.628.339 | 28.192.456.723 | 20.009.381.924 | 1.209.896.712.326 |
| Số dư cuối kỳ | 289.477.950.320 | 837.127.836.976 | 30.610.298.254 | 19.123.075.851 | 1.176.339.161.401 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 102.788 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 212.716 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 985.611 triệu VND (1/1/2017: 1.013.840 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ | 78.833.849.210 | 1.910.752.000 | 80.744.601.210 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu kỳ | 11.643.901.504 | 906.472.329 | 12.550.373.833 |
| Khấu hao trong kỳ | 819.365.388 | 229.266.996 | 1.048.632.384 |
| Số dư cuối kỳ | 12.463.266.892 | 1.135.739.325 | 13.599.006.217 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu kỳ | 67.189.947.706 | 1.004.279.671 | 68.194.227.377 |
| Số dư cuối kỳ | 66.370.582.318 | 775.012.675 | 67.145.594.993 |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 535 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 125.145.930.499 | 871.558.660.940 |
| Tăng trong kỳ | 171.785.221.536 | 263.854.926.667 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (7.842.534.244) | (318.949.574.920) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | - | (1.090.182.000) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (12.575.052.635) | (21.377.508.834) |
| Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex | (1.975.372.841) | (83.266.999.374) |
| Số dư cuối kỳ | 274.538.192.315 | 710.729.322.479 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Nhà máy Sợi Nam Định | 22.955.681.473 | 21.985.386.962 |
| Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed | 93.136.669 | 13.410.122.957 |
| Nhà máy Sợi Phú Cường | 21.333.632.652 | 20.766.833.497 |
| Nhà máy May Cần Thơ | 7.362.705.305 | 1.899.975.723 |
| Nhà máy May Bạc Liêu | 14.340.883.586 | 14.048.857.262 |
| Nhà máy May Quảng Bình | 14.806.400.493 | 5.557.770.050 |
| Nhà máy May Tuyên Quang | 166.304.010.955 | 29.215.075.863 |
| Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam | 8.108.192.709 | 6.335.837.250 |
| Các công trình khác | 19.233.548.473 | 11.926.070.935 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 274.538.192.315 | 125.145.930.499 |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 255.305 triệu VND (1/1/2017: 85.377 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 1.718 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 8.916 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**17. Chi phí trả trước dài hạn**

| | Chi phí đất trả trước VND | Chi phí thuê nhà xưởng trả trước VND | Công cụ và dụng cụ VND | Lợi thế kinh doanh VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Chi phí khác VND | Tổng cộng VND |
|--------------------------------------|---------------------------------|---|------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------|------------------|
| Số dư đầu kỳ | 33.591.876.497 | 29.927.272.719 | 14.666.781.925 | 1.872.985.960 | 15.146.064.363 | 8.674.064.336 | 103.879.045.800 |
| Tăng trong kỳ | - | - | 2.161.630.257 | - | - | 951.353.129 | 3.112.983.386 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | 5.800.000.000 | - | - | - | 6.775.052.635 | 12.575.052.635 |
| Phân bổ trong kỳ | (823.607.541) | (2.640.606.060) | (3.889.036.138) | (936.492.978) | (1.514.606.435) | (3.413.146.909) | (13.217.496.061) |
| Số dư cuối kỳ | 32.768.268.956 | 33.086.666.659 | 12.939.376.044 | 936.492.982 | 13.631.457.928 | 12.987.323.191 | 106.349.585.760 |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 41.718 triệu VND được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (1/1/2017: 34.387 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|--|---|------------------------|
| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
| | VND | VND |
| Phải trả người bán là các công ty con | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội | 7.136.220.586 | - |
| Công ty Cổ phần Dệt May Huế | 4.230.207.464 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương | 2.639.744.107 | 5.829.960.836 |
| Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định | - | 780.100.018 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối | - | 1.949.447.972 |
| Phải trả người bán là các công ty liên kết | | |
| Tổng Công ty Đức Giang – CTCP | 2.398.058.862 | 4.179.091.590 |
| Tổng Công ty May 10 – CTCP | 12.521.776 | 1.150.075.051 |
| Các công ty liên kết khác | 844.694.223 | 79.485.841 |
| Phải trả người bán khác | | |
| Nataka Corporate Private Limited | 15.952.411.530 | 41.374.225.200 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Byd Việt Nam | - | 19.023.571.173 |
| Công ty TNHH Bentex Trading | 60.936.163 | 125.252.256 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Thờ Thiên Huế | 2.243.452.000 | 2.243.452.000 |
| Shanghai Weishi Machinery Co., Ltd. | 863.888 | 2.098.626.000 |
| Truetzschler GmbH & Co. KG | 2.087.350 | 172.659.480 |
| Tung Shing Sewing Machine Co., Ltd. | 11.511.863.665 | 28.587.688.800 |
| Công ty Cổ phần May Tiền Tiến | 1.535.428.805 | 18.758.547.251 |
| Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng | 4.016.714.853 | 4.016.714.853 |
| Các nhà cung cấp khác | 42.208.545.014 | 34.259.648.899 |
| | 94.793.750.286 | 164.628.547.220 |

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

| | 1/1/2017 VND | Số đã nộp trong kỳ VND | Số phát sinh/ đã thu được trong kỳ VND | Số bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND | Phân loại từ phải trả VND | 30/6/2017 VND |
|---|-----------------|------------------------------|--|---|---------------------------------|------------------|
| Thuế | | | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 220.220.199 | - | - | - | - | 220.220.199 |
| <i>Văn phòng</i> | 220.220.199 | - | - | - | - | 220.220.199 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 564.321.747 | 225.474.093 | (164.155.670) | - | - | 625.640.170 |
| <i>Văn phòng</i> | 57.246.431 | - | (4.483.272) | - | - | 52.763.159 |
| <i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i> | - | 11.518.897 | (11.518.897) | - | - | - |
| <i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i> | 507.075.316 | 108.118.972 | (93.843.544) | - | - | 521.350.744 |
| <i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i> | - | 2.224.941 | (2.224.941) | - | - | - |
| <i>Nhà máy Sợi Nam Định</i> | - | 54.607.876 | (3.081.609) | - | - | 51.526.267 |
| <i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i> | - | 2.752.674 | (2.752.674) | - | - | - |
| <i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i> | - | 46.250.733 | (46.250.733) | - | - | - |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 461.989.752 | (38.827.685) | 24.943.457 | (448.105.524) | - |
| <i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i> | - | 461.989.752 | (38.827.685) | 24.943.457 | (448.105.524) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 38.500.860 | (34.707.927) | - | - | 3.792.933 |
| <i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i> | - | 38.500.860 | (34.707.927) | - | - | 3.792.933 |
| | 784.541.946 | 725.964.705 | (237.691.282) | 24.943.457 | (448.105.524) | 849.653.302 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2017 VND | Thuế GTGT đầu ra VND | Số phát sinh trong kỳ VND | Số đã nộp trong kỳ VND | Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND | 30/6/2017 VND |
|---|-----------------|----------------------------|---------------------------------|------------------------------|--|------------------|
| Thuế | | | | | | |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 448.105.524 | 24.658.249.273 | - | (460.333.411) | (24.330.517.877) | 315.503.509 |
| <i>Văn phòng</i> | - | 7.088.177.395 | - | - | (7.088.177.395) | - |
| <i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i> | - | 4.172.520.232 | - | - | (4.172.520.232) | - |
| <i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i> | 448.105.524 | 37.171.344 | - | (460.333.411) | (24.943.457) | - |
| <i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i> | - | 1.125.036.658 | - | - | (1.125.036.658) | - |
| <i>Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Nối</i> | - | 21.219.114 | - | - | (21.219.114) | - |
| <i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i> | - | 3.839.330.650 | - | - | (3.839.330.650) | - |
| <i>Nhà máy Sợi Nam Định</i> | - | 2.636.969.257 | - | - | (2.636.969.257) | - |
| <i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i> | - | 5.737.824.623 | - | - | (5.422.321.114) | 315.503.509 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 3.404.206.416 | (3.404.206.416) | - | - |
| <i>Văn phòng</i> | - | - | 2.048.744.788 | (2.048.744.788) | - | - |
| <i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i> | - | - | 541.325.278 | (541.325.278) | - | - |
| <i>Nhà máy Sợi Nam Định</i> | - | - | 367.454.623 | (367.454.623) | - | - |
| <i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i> | - | - | 242.033.346 | (242.033.346) | - | - |
| <i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i> | - | - | 107.402.574 | (107.402.574) | - | - |
| <i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i> | - | - | 99.744.881 | (99.744.881) | - | - |
| <i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i> | - | - | 1.656.341 | (1.656.341) | - | - |
| Thuế nhà thầu | 10.960.348 | - | 44.308.210 | (55.268.558) | - | - |
| <i>Văn phòng</i> | 10.960.348 | - | 17.011.434 | (27.971.782) | - | - |
| <i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i> | - | - | 30.296.776 | (30.296.776) | - | - |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | 1/1/2017 VND | Thuế GTGT đầu ra VND | Số phát sinh trong kỳ VND | Số đã nộp trong kỳ VND | Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND | 30/6/2017 VND |
|---|-----------------|----------------------------|---------------------------------|------------------------------|--|------------------|
| Các loại thuế khác | 200.464.761 | - | 1.617.652.590 | (1.643.296.519) | - | 174.820.832 |
| + Thuế môn bài | - | - | 10.000.000 | (10.000.000) | - | - |
| <i>Văn phòng Hà Nội</i> | - | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| <i>Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Nối</i> | - | - | 1.000.000 | (1.000.000) | - | - |
| <i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i> | - | - | 1.000.000 | (1.000.000) | - | - |
| <i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i> | - | - | 1.000.000 | (1.000.000) | - | - |
| <i>Nhà máy Sợi Nam Định</i> | - | - | 1.000.000 | (1.000.000) | - | - |
| <i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i> | - | - | 1.000.000 | (1.000.000) | - | - |
| <i>Nhà máy May Kiên Giang</i> | - | - | 2.000.000 | (2.000.000) | - | - |
| + Thuế bảo vệ môi trường | - | - | 969.243 | (969.243) | - | - |
| <i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i> | - | - | 969.243 | (969.243) | - | - |
| + Thuế thu nhập cá nhân | 200.464.761 | - | 1.606.683.347 | (1.632.327.276) | - | 174.820.832 |
| <i>Văn phòng</i> | 136.104.799 | - | 1.350.382.022 | (1.424.006.397) | - | 62.480.424 |
| <i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i> | 46.259.020 | - | 211.935.535 | (172.989.238) | - | 85.205.317 |
| <i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i> | 17.363.779 | - | 29.593.956 | (31.500.350) | - | 15.457.385 |
| <i>Nhà máy Sợi Nam Định</i> | 181.607 | - | 8.305.167 | (3.831.291) | - | 4.655.483 |
| <i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i> | 555.556 | - | 6.466.667 | - | - | 7.022.223 |
| Các khoản phải nộp khác | | | | | | |
| Tiền thuê đất | - | - | 3.427.862.090 | (3.427.862.090) | - | - |
| <i>Văn phòng Hà Nội</i> | - | - | 2.094.384.636 | (2.094.384.636) | - | - |
| <i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i> | - | - | 1.333.477.454 | (1.333.477.454) | - | - |
| | 659.530.633 | 24.658.249.273 | 8.497.029.306 | (8.993.966.994) | (24.330.517.877) | 490.324.341 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lãi vay | 480.167.105 | - |
| Chi phí phải trả khác | 3.843.205.116 | 1.718.385.780 |
| | 4.323.372.221 | 1.718.385.780 |
| Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng | 948.672.000 | 948.672.000 |
| | 5.272.044.221 | 2.667.057.780 |

(b) Chi phí phải trả dài hạn

| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
|---------------------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền thuê đất phải trả (*) | 26.562.816.000 | 27.511.488.000 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (948.672.000) | (948.672.000) |
| | 25.614.144.000 | 26.562.816.000 |

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả ngắn hạn khác**

| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp | 883.016.054 | 1.045.514.062 |
| Phải trả các công ty liên quan | 2.164.282.867 | 3.331.606.229 |
| Quỹ từ thiện | 3.395.248.287 | 3.545.248.287 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 5.449.245.603 | 5.449.245.603 |
| Phải trả cho các trường đào tạo (i) | 41.629.324.063 | 47.184.176.063 |
| Cổ tức phải trả | 250.162.797.125 | 217.399.500 |
| Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii) | 363.057.205.021 | 364.061.259.133 |
| Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi phân bổ cho công ty con | 4.320.669.740 | 2.164.282.867 |
| Lãi vay phải trả | - | 1.762.528.380 |
| Các khoản phải trả khác | 5.034.786.317 | 7.780.095.323 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 676.096.575.077 | 436.541.355.447 |
| | <hr/> | <hr/> |

- (i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

| | 30/6/2017 | 1/1/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex | 1.635.846.513 | 4.190.698.513 |
| Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May | 10.289.000.000 | 10.289.000.000 |
| Thời trang Hà Nội | 10.289.000.000 | 10.289.000.000 |
| Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh | 29.704.477.550 | 32.704.477.550 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 41.629.324.063 | 47.184.176.063 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần (Thuyết minh 9(c)). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

| | 1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | Biến động trong kỳ | | 30/6/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND |
|----------------------------|--|--------------------|-------------------|---|
| | | Tăng VND | Giảm VND | |
| Vay ngắn hạn (*) | 43.350.756.737 | 365.171.547.112 | (229.846.262.507) | 178.676.041.342 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 68.302.511.212 | 48.584.336.242 | (23.922.667.955) | 92.964.179.499 |
| | 111.653.267.949 | 413.755.883.354 | (253.768.930.462) | 271.640.220.841 |

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 30/6/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|--------------|-----------------|------------------|-----------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế | USD | 1,8% | 25.410.765.146 | 15.747.976.375 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế | VND | 5,5% | - | 3.370.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nam Sài Gòn | USD | 2,2% - 2,3% | - | 15.056.735.364 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh | USD | 2,4% | 3.104.668.410 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Nội | USD | 1,7% | 2.885.975.271 | 9.176.044.998 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long | USD | 1,5% | 125.348.346.100 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Xuân | USD | 1,8% | 21.926.286.415 | - |
| | | | 178.676.041.342 | 43.350.756.737 |

Các khoản vay ngắn hạn còn số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 không được đảm bảo.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 30/6/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|-----------|--------------|-------------|-------------------|-------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i) | USD | 2,8% | 2025 | 105.516.893.612 | 104.926.314.552 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i) | VND | 9,4% | 2025 | 56.756.405.940 | 46.114.973.272 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình (ii) | VND | 6,5% | 2024 | 51.435.397.377 | 35.779.304.069 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình (ii) | USD | 3,2% | 2024 | 28.515.788.005 | - |
| Ngân hàng Phát triển Châu Á (iii) | USD | Thả nổi | 2039 | 1.440.299.479.209 | 1.422.738.946.572 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iv) | VND | 9,0% | 2025 | 3.875.000.000 | 4.024.506.824 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iv) | USD | 2,8% | 2025 | 184.888.632.460 | 190.679.256.384 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (v) | USD | 4,016% | 2024 | 224.628.125.274 | 240.381.076.704 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (v) | VND | 9,4% | 2024 | 25.145.757.631 | 26.879.947.813 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (vi) | VND | 8,5% | 2025 | 8.688.660.582 | 7.541.280.553 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (vi) | USD | 3,3% | 2025 | 15.692.173.200 | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vii) | VND | 6,8% | 2024 | 42.143.001.457 | 16.833.233.106 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vii) | USD | 3,2% | 2024 | 74.196.107.925 | - |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (viii) | USD | 2,6% | 2022 | 12.831.236.550 | 1.061.568.000 |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (viii) | VND | 9,5% | 2022 | 3.760.940.340 | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (ix) | VND | 6,8% | 2025 | 3.226.999.071 | - |
| | | | | 2.281.600.598.633 | 2.096.960.407.849 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a)) | | | | (92.964.179.499) | (68.302.511.212) |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | | | | 2.188.636.419.134 | 2.028.657.896.637 |

- (i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 263.124 triệu VND (1/1/2017: 266.598 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quảng Bình bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn trong năm 2016 và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 14.806 triệu VND.
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 188.991 triệu VND (1/1/2017: 207.232 triệu VND);
 - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
 - các khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 80.000 triệu VND (1/1/2017: 80.000 triệu VND); và
 - 5.331.296 cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có giá trị ghi sổ tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 75.463 triệu VND.

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

- (iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tổng cộng là 258.854 triệu VND (1/1/2017: 258.671 triệu VND).
- (v) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 360.743 triệu VND (1/1/2017: 371.888 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Bạc Liêu bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn trong năm 2016 và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 14.341 triệu VND .

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (vii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 166.304 triệu VND (1/1/2017: 29.215 triệu VND).
- (viii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Cần Thơ bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn trong năm 2016 và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 7.363 triệu VND.
- (ix) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quế Sơn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 8.108 triệu VND.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------------------------------|----------------------------|------------------|
| | 30/6/2017 VND | 30/6/2016 VND |
| Số dư đầu kỳ | 28.124.725.788 | 25.787.304.304 |
| Trích lập trong kỳ | 13.385.248.595 | 13.314.483.430 |
| Sử dụng trong kỳ | (4.937.146.500) | (5.249.961.079) |
| Phân phối cho các công ty con | (2.156.386.873) | (2.164.282.867) |
| Số dư cuối kỳ | 34.416.441.010 | 31.687.543.788 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND | Tổng cộng VND |
|---|------------------------|---|---|---|--------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 5.000.000.000.000 | 29.911.650.892 | 266.289.668.614 | 235.664.195.144 | 5.531.865.514.650 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | 3.850.018.099 | - | 3.850.018.099 |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (13.314.483.430) | - | (13.314.483.430) |
| Cổ tức (Thuyết minh 26) | - | - | (250.000.000.000) | - | (250.000.000.000) |
| Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 | 5.000.000.000.000 | 29.911.650.892 | 6.825.203.283 | 235.664.195.144 | 5.272.401.049.319 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 5.000.000.000.000 | 29.911.650.892 | 270.680.157.078 | 235.664.195.144 | 5.536.256.003.114 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | 3.988.541.670 | - | 3.988.541.670 |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (13.385.248.595) | - | (13.385.248.595) |
| Cổ tức (Thuyết minh 26) | - | - | (250.000.000.000) | - | (250.000.000.000) |
| Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 | 5.000.000.000.000 | 29.911.650.892 | 11.283.450.153 | 235.664.195.144 | 5.276.859.296.189 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

| | 30/6/2017 và 1/1/2017 | |
|----------------------------------|------------------------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 500.000.000 | 5.000.000.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 500.000.000 | 5.000.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 500.000.000 | 5.000.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

| | Đã phát hành và đang lưu hành | | |
|---|--------------------------------------|-------------------|----------|
| | Số cổ phiếu | VND | % |
| Nhà nước | 267.438.100 | 2.674.381.000.000 | 53,49% |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam (*) | 70.000.000 | 700.000.000.000 | 14,00% |
| Tập đoàn Vingroup – CTCP (*) | 50.000.000 | 500.000.000.000 | 10,00% |
| Ông Bùi Mạnh Hưng | 30.000.000 | 300.000.000.000 | 6,00% |
| Các cổ đông khác | 82.561.900 | 825.619.000.000 | 16,51% |
| | 500.000.000 | 5.000.000.000.000 | 100% |

(*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2016 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2015: 250.000 triệu VND).

27. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

| | VND |
|-----------------------------|-----------------|
| Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng | 69.164.195.144 |
| Dự án Nhà máy Sợi Nam Định | 80.900.000.000 |
| Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường | 85.600.000.000 |
| | <hr/> |
| | 235.664.195.144 |
| | <hr/> |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Trong năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1 và Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

28. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|----------------------------|-----------------|
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 34.738.974.825 | 38.428.776.453 |
| Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam | (1.295.509.293) | (1.844.900.814) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối kỳ | 33.443.465.532 | 36.583.875.639 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

| | 30/6/2017 | | 1/1/2017 | |
|-----|-----------|-----------------|-----------|-----------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 4.582.148 | 103.356.148.358 | 3.734.321 | 84.630.914.505 |
| EUR | 184 | 4.759.697 | 189 | 4.552.672 |
| | | 103.360.908.055 | | 84.635.467.177 |

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

| | 30/6/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|------------------|-----------------|
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 257.209.484.788 | 309.134.106.014 |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 49.853.919.841 | 172.917.602.652 |
| | 307.063.404.629 | 482.051.708.666 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------|----------------------------|------------------------|
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Bán hàng | 581.749.290.123 | 179.326.067.804 |
| Dịch vụ gia công | 35.977.969.411 | 44.222.015.686 |
| Cung cấp dịch vụ | 4.800.564.185 | 7.574.458.020 |
| Doanh thu cho thuê | 16.368.771.458 | 13.740.192.705 |
| Doanh thu khác | 7.116.548.032 | 9.184.547.703 |
| | 646.013.143.209 | 254.047.281.918 |

31. Giá vốn hàng bán

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---------------------|----------------------------|------------------------|
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Hàng hoá đã bán | 546.531.643.950 | 165.976.735.142 |
| Dịch vụ gia công | 52.289.459.829 | 65.416.757.116 |
| Dịch vụ đã cung ứng | 4.284.377.027 | 9.172.796.431 |
| | 603.105.480.806 | 240.566.288.689 |

32. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|-----------------------|
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi và cho vay | 35.634.876.608 | 44.050.142.889 |
| Cổ tức | 90.067.229.204 | 44.169.532.213 |
| Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn | - | 1.191.125.246 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.464.140.842 | 1.511.777.393 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 7.024.806.927 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 2.576.047.533 | 443.574.236 |
| | 129.742.294.187 | 98.390.958.904 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí tài chính

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|----------------------------|----------------|
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 15.951.084.250 | 13.385.941.844 |
| Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn | - | 688.340.378 |
| Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính | 67.071.220.479 | 3.391.552.934 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.171.824.433 | 427.024.047 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 328.933.570 | 2.809.582.152 |
| Các chi phí tài chính khác | 736.587.533 | 273.768.247 |
| | 85.259.650.265 | 20.976.209.602 |

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|-----------------------------------|----------------------------|----------------|
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 20.194.839.563 | 23.771.887.238 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 8.255.062.874 | 14.726.271.046 |
| Chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng xe | 409.266.870 | 429.793.496 |
| Chi phí thuê đất và nhà cửa | 10.369.816.013 | 12.598.113.020 |
| Công tác phí | 3.962.166.239 | 3.457.218.939 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 1.462.073.295 | 2.393.083.059 |
| Chi phí điện, nước, điện thoại | 2.938.483.543 | 4.642.087.577 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 18.098.827.349 | 17.495.990.822 |
| | 65.690.535.746 | 79.514.445.197 |

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|-----------------|
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 373.735.964.311 | 105.995.578.275 |
| Chi phí nhân viên | 54.447.163.839 | 65.661.120.890 |
| Chi phí khấu hao | 49.242.635.607 | 36.601.694.831 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 98.192.496.471 | 62.463.486.860 |
| Chi phí khác | 26.953.241.160 | 25.225.208.172 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|-----------------|
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.988.541.670 | 3.850.018.099 |
| <hr/> | | |
| Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam | 797.708.334 | 770.003.620 |
| Thuế tương ứng với chi phí không được khấu trừ thuế | 631.332.255 | - |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận | 16.584.405.252 | 8.063.902.823 |
| Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế | (18.013.445.841) | (8.833.906.443) |
| <hr/> | | |
| | - | - |
| <hr/> | | |

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, từ năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

| STT | Đơn vị | Tổng doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND | Chi tiết doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 | | | Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND |
|-----|--|---|--|---|----------------------|--|
| | | | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND | Doanh thu hoạt động tài chính VND | Thu nhập khác VND | |
| 1 | Văn phòng Công ty mẹ | 183.322.182.182 | 55.116.129.495 | 128.206.012.538 | 40.149 | 22.577.460.950 |
| 2 | Các đơn vị phụ thuộc | | | | | |
| | Trung tâm xử lý nước thải KCN | | | | | |
| | Dệt May Phố Nối | 4.800.920.305 | 4.800.564.185 | 356.023 | 97 | (161.995.458) |
| | Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi | 123.286.559 | 123.245.867 | 40.692 | - | (630.355.329) |
| | Nhà máy Sợi Phú Hưng | 217.385.245.994 | 216.475.457.742 | 814.136.857 | 95.651.395 | 6.098.112.229 |
| | Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh | 54.171.906.535 | 53.900.177.104 | 271.729.431 | - | (204.913.334) |
| | Nhà máy May Vinatex Kiên Giang | 3.239 | - | 3.239 | - | (1.746.159) |
| | Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed | 38.417.002.530 | 38.393.306.304 | 3.965.819 | 19.730.407 | (18.775.213.888) |
| | Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường | 154.757.279.636 | 154.496.074.243 | 191.832.015 | 69.373.378 | (2.708.012.164) |
| | Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định | 123.321.195.842 | 122.708.188.269 | 254.217.573 | 358.790.000 | (2.204.795.177) |
| 3 | Tổng cộng | 776.299.022.822 | 646.013.143.209 | 129.742.294.187 | 543.585.426 | 3.988.541.670 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|--|------------------|
| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND | 30/6/2016 VND |
| Công ty con | | |
| <i>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</i> | | |
| Cung cấp dịch vụ | - | 49.665.000 |
| Bán hàng hóa | 2.349.222.623 | - |
| Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á | 686.874.627 | 71.700.000.006 |
| Thu nhập lãi vay | 811.176.086 | - |
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</i> | | |
| Mua thêm vốn cổ phần | 38.731.390.000 | - |
| Cung cấp dịch vụ | 3.081.660.463 | - |
| Bán hàng hóa | - | 6.460.213.841 |
| Mua hàng hóa | - | 142.456.364 |
| Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á | 1.933.032.235 | 202.831.561.539 |
| Cổ tức | 14.615.621.769 | 10.742.482.000 |
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</i> | | |
| Bán hàng hóa | 1.069.588.800 | - |
| Cung cấp dịch vụ | 2.446.796.747 | 1.620.207.947 |
| Mua hàng hóa | 306.691.100 | - |
| Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á | 4.944.324.822 | 503.791.192.596 |
| Thu nhập tiền lãi | 25.819.444 | 1.098.435.118 |
| Hoàn trả gốc vay | 6.500.000.000 | 11.000.000.000 |
| Cổ tức | 29.927.036.800 | - |
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</i> | | |
| Mua hàng hóa | 16.073.023.212 | 910.381.331 |
| Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á | 1.961.095.232 | 207.382.155.754 |
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</i> | | |
| Cho vay | - | 5.000.000.000 |
| Thu nhập tiền lãi | 1.747.137.409 | 1.692.970.658 |
| Cung cấp dịch vụ | 295.454.545 | 1.720.960.598 |
| Hoàn trả gốc vay | - | 20.000.000.000 |
| Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á | 271.950.922 | 18.907.270.533 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|---|----------------------------|----------------|
| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài | | |
| Cổ tức | 9.422.943.262 | 5.199.493.000 |
| Công ty Cổ phần Dệt May Huế | | |
| Bán hàng hóa | 5.074.084.196 | - |
| Mua hàng hóa | 9.319.345.984 | 8.232.465.714 |
| Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á | 734.696.293 | 76.916.333.021 |
| Cổ tức | 9.584.700.000 | 6.553.666.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân | | |
| Cổ tức | 2.635.419.732 | 7.757.214.760 |
| Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á | 401.836.884 | 35.245.609.367 |
| Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương | | |
| Mua dịch vụ | 4.550.934.944 | 11.034.162.162 |
| Bán hàng hóa | 7.767.044.937 | 15.416.707.446 |
| Cổ tức | 3.928.635.788 | 3.573.754.053 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May | | |
| Mua hàng hóa | - | 27.326.499.590 |
| Bán hàng hóa | - | 1.941.603.969 |
| Cho vay | 3.023.251.050 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối | | |
| Cung cấp dịch vụ | 1.160.318.416 | 95.400.000 |
| Mua dịch vụ | - | 60.655.200 |
| Công ty Cổ phần Bông Việt Nam | | |
| Cổ tức | - | 1.375.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam | | |
| Thu nhập tiền lãi | 1.005.555.556 | 758.333.334 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex | | |
| Cung cấp dịch vụ | 385.606.800 | 317.114.000 |
| Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex | | |
| Cung cấp dịch vụ | 824.474.000 | 1.479.229.500 |
| Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex | | |
| Điều chuyển tài sản và nợ phải trả để góp vốn | - | 75.015.910.163 |
| Tiền ứng trước | - | 10.000.000.000 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|---|---|--------------------------|
| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND | 30/6/2016 VND |
| Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex | | |
| Tiền ứng trước | - | 10.000.000.000 |
| Bán hàng hóa | 1.388.206.476 | - |
| Điều chỉnh tài sản để góp vốn | 445.620.762 | - |
| Công ty liên kết | | |
| Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP | | |
| Cung cấp dịch vụ | 268.181.818 | 1.666.709.958 |
| Mua hàng hóa | 152.643.050 | - |
| Tổng Công ty May 10 – CTCP | | |
| Cung cấp dịch vụ | 136.363.636 | - |
| Mua hàng hoá | 4.339.072.230 | 1.939.465.664 |
| Cổ tức | 6.301.800.000 | - |
| Công ty Cổ phần May Hữu Nghị | | |
| Cổ tức | - | 8.252.499.900 |
| Công ty Cổ phần May Bình Minh | | |
| Bán hàng hoá | 8.681.519.349 | 2.031.124.535 |
| Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP | | |
| Bán hàng hóa | 1.618.078.295 | - |
| Cung cấp dịch vụ | - | 13.935.182.219 |
| Tổng Công ty Đức Giang – CTCP | | |
| Mua hàng hoá | 5.757.671.286 | - |
| Công ty Vinatex Đà Nẵng | | |
| Góp vốn | - | 3.000.000.000 |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | | |
| Cung cấp dịch vụ | 273.964.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinatex | | |
| Thoái vốn | - | 7.918.626.154 |
| Công ty Cổ phần May Phương Đông | | |
| Thoái vốn | - | 13.083.311.931 |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-----------------------------------|------------------|
| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
| | 30/6/2017 | 30/6/2016 |
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo Cổ tức năm 2014 | - | 4.870.800.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến Cổ tức | 13.405.920.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế Bán hàng hóa | 4.570.928.448 | - |
| Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Thù lao đã trả | 3.014.738.418 | 2.955.774.000 |

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | 30/6/2017 | |
| | VND | VND |
| Chuyển khoản phải thu ngắn hạn khác thành khoản cho vay dài hạn | - | 42.581.377.888 |
| Giảm đầu tư vào công ty liên kết do được chia cổ tức liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa | - | 4.870.800.000 |
| Tăng đầu tư vào công ty con thông qua điều chuyển tài sản | 445.620.762 | - |
| Tăng khoản phải thu khác do điều chuyển phần chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex | 1.975.372.841 | - |
| Bù trừ khoản phải thu về cho vay với khoản phải trả người bán | 3.544.388.653 | - |
| Tiền lãi cho vay từ khoản cho các công ty con vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á nhập gốc cho vay | 12.456.314.390 | - |
| Lãi vay nhập gốc vay | 15.750.312.180 | - |

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ đông chiến lược thoái vốn

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCD chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam đang thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

